



CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU THỰC TIỄN VÀ PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN Ở VIỆT NAM

Tháng 7 năm 2024

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Tài liệu này được thực hiện với hỗ trợ từ nhân dân Hoa Kỳ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Nội dung tài liệu thuộc trách nhiệm duy nhất của RCEE-NIRAS và không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH	3
DANH MỤC BẢNG	3
TỔNG QUAN	6
CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VỀ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU	8
1.1. Khái niệm tài chính khí hậu	8
1.1.1. Tài chính cho biến đổi khí hậu	9
1.1.2. Huy động tài chính khí hậu thông qua thị trường carbon	10
1.2. Bối cảnh tài chính toàn cầu	11
1.2.1. Tài chính khí hậu	11
1.2.2. Thị trường carbon	12
1.3. Tài chính khí hậu và khu vực tư nhân ở Việt Nam	15
CHƯƠNG 2: HUY ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÍ HẬU CỦA KHU VỰC TƯ NHÂN – CÁC PHƯƠNG ÁN VÀ VÍ DỤ	20
2.1. Cơ chế huy động tài chính khí hậu cho khu vực tư nhân	20
2.2. Nghiên cứu điển hình: huy động tài chính khí hậu của khu vực tư nhân	24
2.2.1. Dự án Hiệu quả năng lượng Việt Nam cho doanh nghiệp công nghiệp	24
2.2.2. Dự án tăng cường hiệu quả năng lượng tại Việt Nam	25
2.2.3. Chiến lược xanh của BIDV	25
2.2.4. Tài chính khí hậu cho di chuyển bằng điện	26
CHƯƠNG 3: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM	27
3.1. Những thách thức đối với doanh nghiệp trong việc tài trợ cho hành động khí hậu	27
3.2 Thách thức đối với doanh nghiệp trên thị trường carbon	27
3.3. Cơ hội cho doanh nghiệp tài trợ cho hành động khí hậu	28
3.4. Cơ hội cho doanh nghiệp trên thị trường carbon	28
3.5. Khuyến nghị	29

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Các điểm giao nhau trong tài chính khí hậu, tài chính xanh và tài chính bền vững	9
Hình 2. Lộ trình tiến hành thị trường Carbon tại Việt Nam	11
Hình 3. Tài chính khí hậu công và tư nhân theo khu vực	12
Hình 4. So sánh giữa nghị định thư Kyoto và thỏa thuận Paris	13
Hình 5. Tổng lượng phát thải khí nhà kính theo hệ thống giao dịch phát thải toàn cầu (2005-2022)	14
Hình 6. Phát hành bù đắp carbon hàng năm tại VCM, 2016-2023	15
Hình 7. Loại dự án và số lượng tín chỉ được cấp, 2023	15
Hình 8. Mạng lưới sạc xe điện VinFast	17
Hình 9. Các thành phần chính tham gia thị trường carbon ở Việt Nam	19

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Một số dự án hỗ trợ biến đổi khí hậu tại Việt Nam trong lĩnh vực tư nhân	16
Bảng 2: Các Nguyên tắc: Nguyên tắc trái phiếu xanh, Nguyên tắc trái phiếu xã hội và Hướng dẫn về trái phiếu bền vững	21

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng phát triển châu Á
AF	Quỹ thích ứng
BIDV	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
CO ₂ e	Lượng carbon dioxide tương đương
CDM	Cơ chế phát triển sạch
DFC	Công ty Tài chính Phát triển
ESG	Môi trường, xã hội và quản trị
ETS	Hệ thống giao dịch khí thải
EU	Liên minh Châu Âu
EU-ETS	Liên minh Châu Âu giới thiệu Hệ thống Thương mại Khí thải
EV	Xe điện
GCF	Quỹ Khí hậu Xanh
GEF	Cơ sở môi trường toàn cầu
GHG	Khí gây hiệu ứng nhà kính
ITMOs	Kết quả giảm nhẹ được chuyển giao quốc tế
Bộ TC	Bộ Tài chính
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NDCs	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NTP-RCC	Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu

PA	Hiệp định Paris
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SDG	Mục tiêu phát triển bền vững
SDM	Cơ chế phát triển bền vững
SP-RCC	Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu
UNFCCC	Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
VCM	Thị trường carbon tự nguyện
VEPF	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam
WB	Ngân hàng thế giới

TỔNG QUAN

Việt Nam tương tự như các quốc gia đang phát triển khác phải đối mặt với những thách thức của biến đổi khí hậu bao gồm các hiện tượng thời tiết cực đoan, mực nước biển dâng, cạn kiệt tài nguyên nước. Nhu cầu cấp bách hiện nay là giải quyết những thách thức này, Việt Nam tích cực tham gia các chiến lược liên quan đến tài chính khí hậu để giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã và đang huy động tài chính khí hậu từ các nguồn khác nhau như tài trợ quốc tế, ngân hàng phát triển, đầu tư khu vực tư nhân, và ngân sách trong nước. Việt Nam hiện nay đã đang dần tích hợp vấn đề biến đổi khí hậu vào chính sách và kế hoạch phát triển của quốc gia, điều chỉnh chúng phù hợp với các khuôn khổ quốc tế như Thỏa thuận Paris và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Do dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu, các nỗ lực tài chính khí hậu của Việt Nam ưu tiên các biện pháp thích ứng và xây dựng khả năng phục hồi cùng với các hành động giảm nhẹ. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nông nghiệp, bảo vệ bờ biển, và các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thực hành nông nghiệp bền vững, và bảo tồn lâm nghiệp và hệ sinh thái. Việt Nam đã thiết lập các cơ chế thể chế để điều phối và quản lý tài chính khí hậu, như Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Quan hệ đối tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan phát triển và khu vực tư nhân đóng vai trò quan trọng trong việc huy động các nguồn tài chính, chia sẻ kiến thức và xây dựng năng lực cho phát triển thông minh về khí hậu.

Mặc dù đã có những tiến bộ, Việt Nam phải đối mặt với những thách thức trong việc tiếp cận và sử dụng hiệu quả tài chính khí hậu, bao gồm những hạn chế trong tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, năng lực kỹ thuật không đủ, và khoảng cách giữa cơ quan chính phủ và nhà đầu tư. Tuy nhiên, vẫn có những cơ hội đối mới và hợp tác, đặc biệt là trong việc thúc đẩy đầu tư của khu vực tư nhân và áp dụng các công cụ tài chính mới như trái phiếu xanh và bảo hiểm khí hậu.

Trong tương lai, Việt Nam đặt mục tiêu tăng cường cấu trúc tài chính khí hậu, tăng cường phối hợp giữa các bên liên quan, lồng ghép các vấn đề về khí hậu vào quá trình lập kế hoạch quốc gia, cải thiện cơ chế giám sát và đánh giá, đồng thời thúc đẩy đổi mới trong các công cụ tài chính khí hậu. Bằng cách đó, Chính phủ Việt Nam mong muốn xây dựng một tương lai kiên cường và bền vững hơn trước biến đổi khí hậu. Chính phủ cũng tìm cách giúp các doanh nghiệp Việt Nam tận dụng những thay đổi của thị trường đang diễn ra khi thế giới thích ứng với biến đổi khí hậu.

Để hỗ trợ những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc áp dụng các thực hành thông minh về khí hậu, thu hút tài chính khí hậu và tăng cường khả năng cạnh tranh của khu vực tư nhân, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đang hợp tác với Bộ Công Thương (Bộ CT) để xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho khu vực tư nhân về cách tận dụng các cơ hội mới trong tài chính khí hậu. Để đạt được mục tiêu đó, USAID đã thuê một tập đoàn do RCEE-NIRAS dẫn đầu để chuẩn bị tài liệu hướng dẫn kỹ thuật này và tài trợ cho công việc này thông qua dự án USAID INVEST. RCEE-NIRAS đã tham khảo ý kiến của Bộ CT và các hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam để hiểu các ưu tiên cũng như các thông tin cần thiết. Dựa trên cuộc thảo luận đó, RCEE-NIRAS đã xây dựng đề cương cho tài liệu này trong đó tóm tắt các công cụ, cơ chế và nguồn lực hiện có để tài trợ cho việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ngoài ra,

tài liệu cũng cung cấp thông tin về các sáng kiến và chính sách tài chính xanh toàn cầu, bao gồm trái phiếu xanh, quỹ khí hậu, tín chỉ carbon và các hình thức tài trợ quốc tế khác. Cuối cùng, tài liệu đề cập đến những thách thức và cơ hội trong việc huy động và phân bổ tài chính cho các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VỀ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU

1.1. Khái niệm tài chính khí hậu

Khái niệm: Tài chính khí hậu là một thuật ngữ chung để chỉ vốn tài chính được phân bổ cho các hoạt động giảm thiểu hoặc thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu (xem phần 1.1.2). Ủy ban thường trực về tài chính của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) đưa ra định nghĩa sau¹:

“Tài chính khí hậu nhằm mục đích giảm phát thải và tăng cường hấp thụ khí nhà kính, đồng thời nhằm mục đích giảm thiểu tính dễ bị tổn thương, duy trì và tăng cường khả năng phục hồi của các hệ thống sinh thái và con người trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.”

Tài chính carbon là một tập hợp con của tài chính khí hậu liên quan đến các hoạt động sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên thị trường để giảm phát thải khí nhà kính (KNK). Như mô tả ở phần 1.1.2, có một số cách sử dụng thị trường carbon để huy động tài chính.

Tài chính xanh là thuật ngữ đề cập đến tài trợ cho các khoản đầu tư mang lại lợi ích môi trường trong bối cảnh phát triển bền vững rộng hơn và bao gồm cả tài chính khí hậu. Các nhóm tài chính xanh bao gồm tài chính khí hậu, tài chính môi trường (ví dụ: nước, đa dạng sinh học, v.v.) và tài chính bảo tồn. Tài chính xanh và khí hậu được thúc đẩy bởi một hệ thống liên kết giữa các cam kết quốc gia và quốc tế đang tiếp tục phát triển, bao gồm:

- Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu² và yêu cầu các quốc gia trình Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), trong đó nêu rõ cam kết của các quốc gia về giảm lượng khí thải quốc gia và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.
- Công ước về Đa dạng sinh học.
- Công ước của Liên hợp quốc về chống sa mạc hóa.

Tài chính bền vững³ có phạm vi rộng hơn cả tài chính khí hậu và tài chính xanh. Tài chính bền vững tính đến các cân nhắc về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) khi đưa ra quyết định đầu tư, dẫn đến tăng cường đầu tư dài hạn vào các hoạt động và dự án kinh tế bền vững. Tài chính bền vững thường là thuật ngữ 'toàn diện' được sử dụng để đề cập đến các hoạt động carbon thấp (tức là giảm nhẹ), khí hậu (tức là giảm

¹ Ủy ban Thường vụ Tài chính của UNFCCC: Đánh giá hai năm một lần năm 2014 và Tổng quan về Báo cáo Dòng tài chính Khí hậu

https://unfccc.int/files/cooperation_and_support/financial_mechanism/standing_committee/application/pdf/2014_biennial_assessment_and_overview_of_climate_finance_flows_report_web.pdf

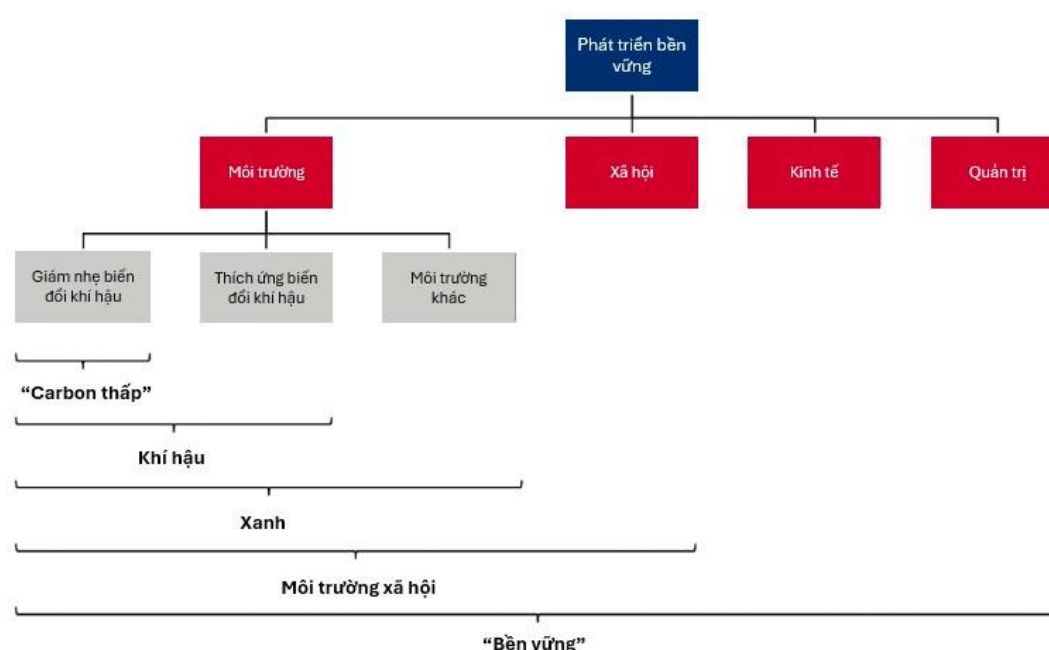
² <https://unfccc.int/process-and-meetings#:a0659cbd-3b30-4c05-a4f9-268f16e5dd6b>

³ https://ec.europa.eu/info/business-economy-euro/banking-and-finance/sustainable-finance_en

nhẹ và thích ứng), các hoạt động xanh và tập trung vào xã hội. Tài chính bền vững thường phù hợp với 17 SDG⁴.

Hình 1 chỉ ra các loại hoạt động tài chính khác nhau được coi là có phát thải carbon thấp, ít ảnh hưởng tới khí hậu, xanh và hướng tới tính bền vững. Các loại tài chính này thường có những ranh giới mờ nhạt. Ví dụ, giữa những gì có thể được coi là tài chính khí hậu và những gì có thể được đưa vào tài chính xanh. Như được minh họa bằng các mối liên kết trong hình, tài chính bền vững và tài chính xanh thường có thể được sử dụng để giải quyết các mục tiêu về khí hậu và ngược lại.

Hình 1. Các điểm giao nhau trong tài chính khí hậu, tài chính xanh và tài chính bền vững



Nguồn: Tham khảo từ [nền tảng tài chính xanh - Green Finance Platform](#)

Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật này sẽ chủ yếu tập trung vào tài chính khí hậu nhưng đôi khi sẽ đề cập đến các loại hình tài chính khác, do tính chất chồng chéo và cơ hội tài trợ đồng thời cho cả ba loại hình tài chính này.

1.1.1. Tài chính cho biến đổi khí hậu

Tài chính khí hậu đề cập đến các nguồn tài chính và công cụ hỗ trợ hoạt động về biến đổi khí hậu. Tài chính khí hậu rất quan trọng để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu vì cần có các khoản đầu tư quy mô lớn để chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp toàn cầu và giúp xã hội xây dựng khả năng phục hồi và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.

Tài chính khí hậu có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau: chính phủ hoặc tư nhân, quốc gia hoặc quốc tế, song phương hoặc đa phương. Một số quỹ đa phương mà các nền

⁴ <https://sdgs.un.org/goals>

kinh tế mới nổi như Việt Nam có thể tiếp cận bao gồm Quỹ Khí hậu Xanh (GCF), Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) và Quỹ Thích ứng (AF). Trong mỗi Quỹ này sẽ có tiêu chí và quy trình ứng dụng khác nhau. Do đó, điều quan trọng là phải xem xét hướng dẫn của mỗi Quỹ trước khi bắt đầu phát triển dự án.

Tài chính khí hậu có thể bao gồm từ các khoản tài trợ (tức là từ GEF, GCF và AF) và các khoản quyên góp, trái phiếu xanh, cổ phần, hoán đổi nợ, bảo lãnh và các khoản vay ưu đãi. Ví dụ, các tổ chức tài chính như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Phi, Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ và Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (DFC) sẽ giảm thiểu rủi ro cho các dự án khí hậu thông qua các khoản vay ưu đãi, bảo hiểm hoặc bảo lãnh.

1.1.2. Huy động tài chính khí hậu thông qua thị trường carbon

Thị trường carbon là hệ thống trong đó tín chỉ carbon được mua bán giữa các thực thể, cá nhân hoặc quốc gia. Một tín chỉ carbon đại diện cho một tấn carbon dioxide tương đương (CO₂e) được loại bỏ hoặc tránh được. Các công ty hoặc cá nhân có thể sử dụng thị trường carbon để bù trừ lượng phát thải khí nhà kính bằng cách mua tín chỉ carbon từ các đơn vị khác để loại bỏ, tránh hoặc giảm phát thải khí nhà kính. Do đó, thị trường carbon có thể chuyển hướng đầu tư từ nhiên liệu hóa thạch sang các hoạt động carbon thấp.

Có hai loại thị trường carbon: bắt buộc và tự nguyện.

Thị trường carbon bắt buộc: Theo thị trường carbon bắt buộc, các nhà hoạch định chính sách đặt ra các cam kết ràng buộc về phát thải khí nhà kính cho các thực thể được điều chỉnh và sau đó cho phép giao dịch tín chỉ phát thải giữa các thực thể này. Có hai loại thị trường carbon bắt buộc: hệ thống giao dịch phát thải (ETS) và hệ thống cơ sở và tín chỉ. Đối với ETS, giới hạn phát thải trên được cố định và giấy phép phát thải được bán đấu giá hoặc phân phối miễn phí theo các tiêu chí cụ thể. Theo hệ thống cơ sở và tín chỉ, không có giới hạn cố định về lượng khí thải, nhưng những người gây ô nhiễm giảm lượng khí thải nhiều hơn mức có nghĩa vụ phải thực hiện có thể thu được “tín chỉ” và đem bán lại cho những doanh nghiệp khác cần để tuân thủ các nghĩa vụ. Việt Nam đang trong quá trình xây dựng hệ thống ETS trong đó lượng phát thải khí nhà kính của các nguồn phát thải chính sẽ bị giới hạn và lượng phát thải cho phép sẽ được phân bổ cho các cơ sở nằm trong phạm vi giới hạn.

Thị trường carbon tự nguyện: Thị trường carbon tự nguyện (VCM) dựa trên giao dịch tín chỉ carbon giữa các tổ chức, công ty hoặc quốc gia đã lựa chọn giảm phát thải khí nhà kính trên cơ sở tự nguyện. Tín chỉ carbon được lấy từ các dự án hoặc chương trình giảm phát thải khí nhà kính – ngày càng được gọi là “Dự án Carbon” – sử dụng các quy trình đã được thiết lập như các quy trình do VERRA⁵, Tiêu chuẩn Vàng⁶, Plan Vivo⁷ hoặc do Chính phủ Việt Nam thiết kế. Các dự án carbon liên quan đến các hoạt động giảm phát thải như năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả, trồng rừng/trồng rừng hoặc thu hồi khí mê-tan từ các bãi chôn lấp.

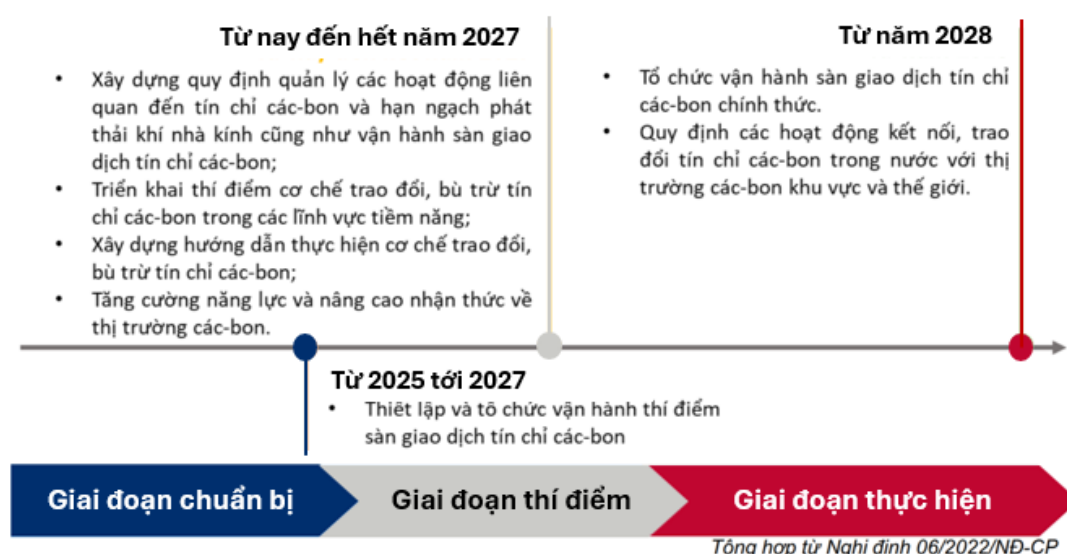
⁵ <https://verra.org/>

⁶ <https://www.goldstandard.org/>

⁷ <https://www.planvivo.org/>

Nghị định 06/2022/ND-CP ngày 7 tháng 1 năm 2022 đưa ra hướng dẫn về xây dựng thị trường carbon của Việt Nam, trong đó sẽ bao gồm ETS quốc gia cũng như hệ thống tạo tín chỉ carbon trong nước có thể được giao dịch cho các cơ sở thuộc ETS. Nghị định quy định hai giai đoạn quan trọng. Giai đoạn đầu tiên kéo dài từ 2023-2027: bao gồm việc thiết kế các quy tắc quản lý tín chỉ carbon, phân bổ hạn mức phát thải cho các nguồn phát thải khí nhà kính lớn thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS và thí điểm cơ chế kinh doanh hạn mức carbon và tín chỉ carbon bắt đầu từ năm 2025. Giai đoạn thứ hai sẽ bắt đầu vào năm 2028 khi ETS quốc gia dự kiến đi vào hoạt động đầy đủ và Việt Nam sẽ bắt đầu kết nối thị trường carbon trong nước với các thị trường khác ở châu Á và toàn cầu.

Hình 2. Lộ trình tiến hành thị trường Carbon tại Việt Nam



Nhiều quy định thực hiện thị trường carbon của Việt Nam vẫn đang được làm rõ, bao gồm các tiêu chí cụ thể về cách các doanh nghiệp tư nhân báo cáo về cam kết phát thải khí nhà kính và tham gia vào thị trường carbon thông qua mua bán hạn mức phát thải hoặc bán tín chỉ từ các dự án carbon. Đặc biệt, cần phải thiết lập phạm vi, quy mô, đối tượng và công cụ thị trường, chẳng hạn như các quy trình tính toán phát thải khí nhà kính cho các dự án carbon.

1.2. Bối cảnh tài chính toàn cầu

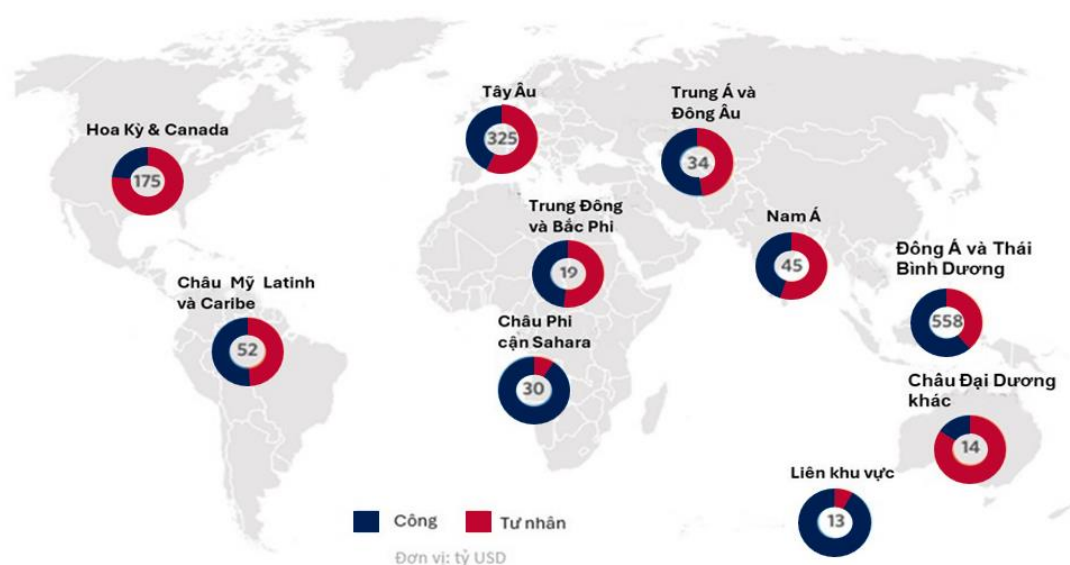
1.2.1. Tài chính khí hậu

Năm 2009, các nước phát triển đã đồng ý huy động 100 tỷ USD hàng năm cho đến năm 2020 để hỗ trợ hành động về khí hậu ở các nước đang phát triển. Năm 2015, theo Thỏa thuận Paris, các bên đã đồng ý gia hạn mục tiêu này đến năm 2025 và đặt mục tiêu tài chính mới cho sau năm 2025, có tính đến nhu cầu và ưu tiên của các nước đang phát triển. Báo cáo Xác định Nhu cầu đầu tiên của Ủy ban Thường trực về Tài chính, xuất bản năm 2021, cho thấy cần gần 6 nghìn tỷ USD để thực hiện kế

hoạch hành động về khí hậu của các nước đang phát triển vào năm 2030 và con số này chưa tính đến chi phí thích ứng dự kiến⁸.

Theo báo cáo Toàn cảnh về Tài chính Khí hậu năm 2023⁹, tài chính khí hậu toàn cầu trung bình hàng năm đạt 1,3 nghìn tỷ USD vào năm 2021/2022 so với 653 tỷ USD vào năm 2019/2020. Phần lớn sự tăng trưởng này là do tăng cường tài chính cho giảm nhẹ, với mức tăng trưởng lớn nhất là trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và giao thông. Khu vực công chiếm 57% nguồn tài chính khí hậu được huy động vào năm 2021/2022 trong khi khu vực tư nhân chiếm 43%.

Hình 3. Tài chính khí hậu công và tư nhân theo khu vực



Nguồn: Tham khảo từ [Sáng kiến chính sách khí hậu, Tổng quan thế giới về tài chính khí hậu, page 7](#)

Báo cáo Toàn cảnh về Tài chính Khí hậu 2023 cũng cho thấy 60% tài chính khí hậu ở Đông Á và Thái Bình Dương đến từ khu vực công, phần còn lại đến từ khu vực tư nhân. Đầu tư tư nhân vào xe điện chạy pin (Evs) chiếm khoảng 1/3 tổng đầu tư tư nhân trong nước trong khi các Tổ chức Tài chính Phát triển quốc gia (DFIs) chiếm 1/3 tổng tài chính khí hậu trong nước (176 tỷ USD) ở khu vực này. Điều này chỉ ra rằng DFI và điện khí hóa là những lựa chọn đầy hứa hẹn cho nguồn tài chính khí hậu tư nhân. Các lựa chọn khác, chẳng hạn như những lựa chọn tập trung vào thích ứng với khí hậu, đang gặp nhiều thách thức hơn trong việc thu hút nguồn tài trợ từ khu vực tư nhân.

1.2.2. Thị trường carbon

Nghị định thư Kyoto năm 1997 trong Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) đặt ra các mục tiêu ràng buộc về giảm phát thải khí nhà kính đối với các nước phát triển và giới thiệu thị trường carbon quốc tế bằng cách đặt ra các

⁸ <https://unfccc.int/news/from-billions-to-trillions-setting-a-new-goal-on-climate-finance>

⁹ <https://www.climatepolicyinitiative.org/wp-content/uploads/2023/11/Global-Landscape-of-Climate-Finance-2023.pdf>

quy tắc về mua bán phát thải khí nhà kính giữa các quốc gia và giao dịch tín chỉ carbon. Năm 2003, Liên minh Châu Âu (EU) đã giới thiệu Hệ thống Thương mại Phát thải (EU-ETS) để giúp khu vực đáp ứng các cam kết theo Nghị định thư Kyoto. EU-ETS đã giới hạn lượng phát thải khí nhà kính đối với các nguồn phát thải lớn trong lĩnh vực điện, thép, lọc dầu và xi măng trên 25 quốc gia thành viên.

Bước ngoặt trong đàm phán chính sách khí hậu quốc tế là việc thông qua Thỏa thuận Paris tại COP 21 năm 2015. Đây được coi là sự kế thừa cho Nghị định thư Kyoto. Khung Thỏa thuận Paris ràng buộc các quốc gia thuộc Phụ lục I (tức là các nước phát triển) phải giảm phát thải khí nhà kính và lần đầu tiên yêu cầu các nền kinh tế đang phát triển đặt ra mục tiêu giảm phát thải thông qua Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của họ.

Hình 4. So sánh giữa nghị định thư Kyoto và thỏa thuận Paris

Nghị định thư Kyoto	Thỏa thuận Paris
Phương pháp tiếp cận từ trên xuống (các quốc gia phát triển phải giảm 5% lượng phát thải KNK so với mốc 1990 cho giai đoạn cam kết thứ nhất và 18% cho giai đoạn cam kết thứ 2)	Phương pháp tiếp cận từ dưới lên (thông qua Đóng góp do các quốc gia tự quyết định NDCs)
Các nước đang phát triển không bị ràng buộc bởi các mục tiêu giảm phát thải	Vai trò lớn hơn cho các nước đang phát triển
Các nước đang phát triển có vai trò hạn chế	Chế độ tuân thủ chủ yếu dựa trên báo cáo minh bạch như một phương tiện để đánh giá tiến độ thực hiện của các quốc gia so với mục tiêu đóng góp
Rủi ro tuân thủ đối với các quốc gia thuộc Phụ lục I	

Nguồn: Tham khảo từ [Bản tin chính sách, Tài nguyên - Môi trường và Phát triển Bền vững, trang 24](#)

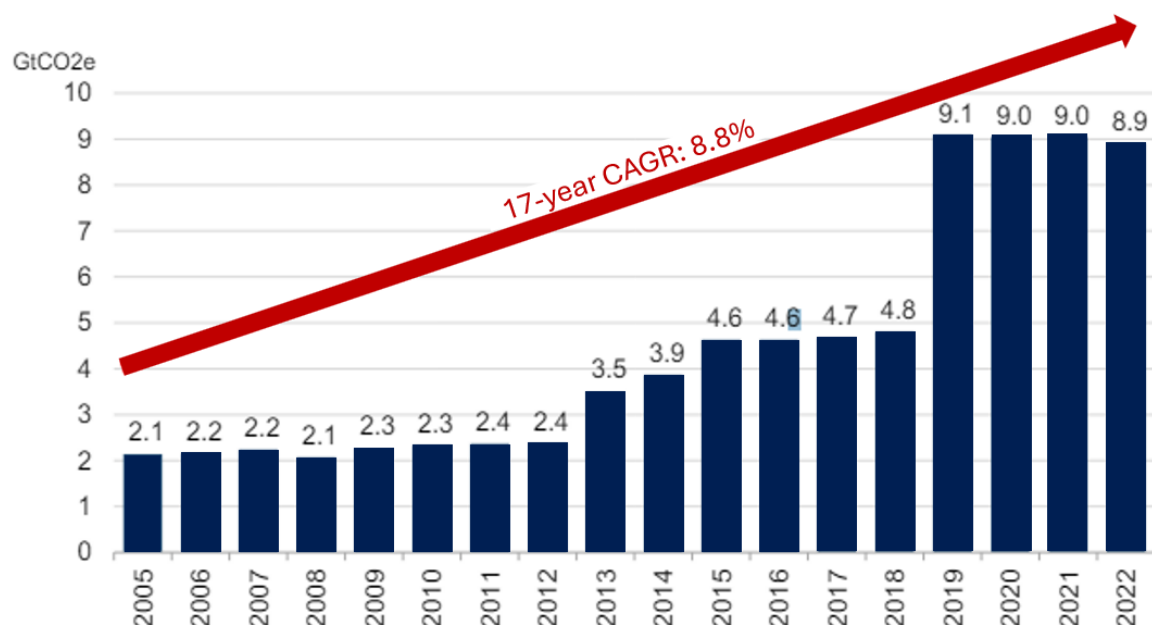
Điều 6 của Hiệp định Paris đặt ra cách các quốc gia có thể theo đuổi hợp tác tự nguyện để đạt được các mục tiêu về khí hậu, cho phép hợp tác quốc tế để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và mở ra nguồn hỗ trợ tài chính cho các nước đang phát triển. Điều này có nghĩa là, theo Điều 6, các quốc gia có thể chuyển tín chỉ carbon thu được từ việc giảm phát thải khí nhà kính để giúp một hoặc nhiều quốc gia đạt được các mục tiêu về khí hậu của họ. Trong đó, điều 6.2 cho phép các bên thực hiện cách tiếp cận hợp tác để trao đổi các kết quả giảm nhẹ quốc tế (iTMO) nhằm đạt được mục tiêu NDC trên cơ sở tự nguyện. Điều 6.4 đưa ra một cơ chế mới-Cơ chế phát triển bền vững (SDM) nhằm đóng góp giảm phát thải khí nhà kính và hỗ trợ phát triển bền vững trên cơ sở tự nguyện.

Thị trường carbon bắt buộc

Một số quốc gia trên toàn thế giới, bao gồm Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, cùng với EU, đã cam kết trung hòa carbon vào năm 2050 hoặc sớm hơn. Để đạt được điều này, EU-ETS cùng với các quốc gia khác như New Zealand, Hàn Quốc và Trung Quốc đã triển khai các hệ thống thương mại quốc gia.

Các thị trường này bao gồm các lĩnh vực phát thải cao, đặt ra giới hạn phát thải và phân bổ định mức carbon có thể thương mại cho các công ty. Đến năm 2022, ETS toàn cầu đã bao phủ khoảng 8,9 gigaton carbon dioxide tương đương, biểu thị sự tăng trưởng đáng kể như minh họa trong Hình 6.

Hình 5. Tổng lượng phát thải khí nhà kính theo hệ thống giao dịch phát thải toàn cầu (2005-2022)



Nguồn: Tham khảo từ [Thị trường trao đổi hạn ngạch: báo cáo hiện trạng 2022, International Carbon Action Partnership, trang 36](#)

Thị trường carbon tự nguyện

Việc phát hành tín chỉ carbon hàng năm trên toàn cầu của VCM đã tăng từ 37 triệu tấn CO₂e năm 2016 lên 326 triệu tấn CO₂e trong năm 2023. Giá trị giao dịch tín chỉ carbon đạt 2,0 tỷ USD vào năm 2021 và các nhà phân tích thị trường ước tính giá trị giao dịch có thể đạt tới 245 tỷ USD đến 546 tỷ USD vào năm 2050¹⁰.

¹⁰ Tham khảo từ Đánh giá thị trường carbon tự nguyện năm 2023. Tập trung vào khí hậu. Tháng 1 năm 2024. <https://climatefocus.com/wp-content/uploads/2024/01/VCM-2023-Review-Report.pdf>

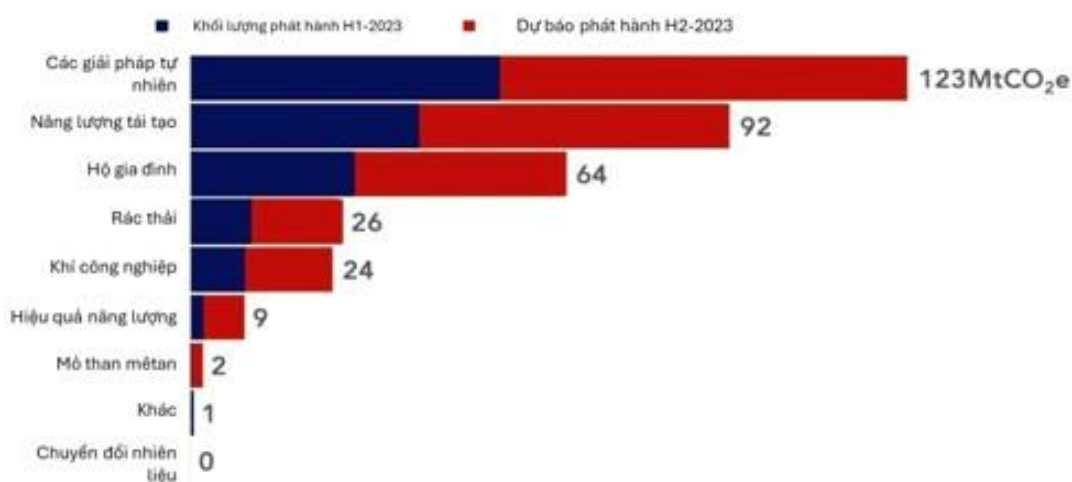
Hình 6. Phát hành bù đắp carbon hàng năm tại VCM, 2016-2023



Nguồn: Tham khảo từ [Báo cáo Thị trường carbon tự nguyện, Climate Focus. January 2024.](#)

Năm 2023, VCM bị chi phối bởi các khoản tín chỉ từ các giải pháp dựa vào thiên nhiên và các dự án năng lượng tái tạo, chiếm 2/3 tổng số tín chỉ phát hành. Trong khi đó, tín chỉ cấp hộ gia đình (bếp nấu, nước sạch) tăng nhanh so với các năm trước.

Hình 7. Loại dự án và số lượng tín chỉ được cấp, 2023



Nguồn: Tham khảo từ [Báo cáo Thị trường carbon tự nguyện, Climate Focus. January 2024.](#)

1.3. Tài chính khí hậu và khu vực tư nhân ở Việt Nam

Các doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong việc giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Các doanh nghiệp có thể giảm phát thải khí nhà kính, đầu tư vào công nghệ xanh và phát triển các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, để thực hiện được các nhiệm vụ này, doanh nghiệp cần tiếp cận được nguồn vốn. Tài chính khí hậu có thể giúp các doanh nghiệp:

- Đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải. Các doanh nghiệp có thể sử dụng tài chính khí hậu để đầu tư vào các công nghệ mới như

năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả và giao thông xanh giúp giảm phát thải khí nhà kính.

- Phát triển các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường. Các doanh nghiệp có thể sử dụng tài chính khí hậu để phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới thân thiện với môi trường, như xe điện, thiết bị tiết kiệm năng lượng và vật liệu xây dựng xanh.
- Thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu. Các doanh nghiệp có thể sử dụng tài chính khí hậu để thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, như xây dựng cơ sở hạ tầng chống chịu khí hậu và phát triển các giống cây trồng chịu hạn.
- Các nguồn tài chính khí hậu khác nhau hiện có sẵn cho các doanh nghiệp ở Việt Nam, bao gồm:
 - Vốn vay từ các ngân hàng thương mại. Nhiều ngân hàng thương mại hiện đang cung cấp các khoản vay ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào các dự án biến đổi khí hậu như Agribank (ví dụ: năng lượng tái tạo, môi trường và nông nghiệp), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (ví dụ: năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank), Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Ngân hàng Hàng hải), Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).
 - Vốn vay từ các tổ chức tài chính quốc tế. Các tổ chức như Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Á cung cấp các khoản vay và trợ cấp cho các doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án biến đổi khí hậu. Bảng 1 cung cấp ví dụ về các dự án trong khu vực tư nhân đã nhận được hỗ trợ từ Ngân hàng Thế giới và ADB.

Bảng 1: Một số dự án hỗ trợ biến đổi khí hậu tại Việt Nam trong lĩnh vực tư nhân

TÊN DỰ ÁN	NĂM	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ HỖ TRỢ
Chương trình Năng lượng Tái tạo	2016 - nay	Hỗ trợ phát triển thị trường năng lượng tái tạo tại Việt Nam	Ngân hàng Thế giới (WB)
Dự án Quản lý Bờ biển Bền vững	2021 - 2026	Hỗ trợ các tỉnh ven biển tại Việt Nam trong việc quản lý bờ biển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu	WB
Chương trình Nông nghiệp Bền vững	2019 - 2024	Hỗ trợ nông dân Việt Nam áp dụng các phương pháp canh tác bền vững để	WB

		giảm thiểu phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu	
Chương trình Năng lượng Sạch	2017 - nay	Hỗ trợ Việt Nam phát triển năng lượng sạch và hiệu quả năng lượng	Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)
Dự án Thích ứng Biến đổi Khí hậu và Phát triển Nông thôn	2018 - 2023	Hỗ trợ các cộng đồng nông thôn tại Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu	ADB
Chương trình Phát triển Nước Bền vững	2016 - 2021	Hỗ trợ Việt Nam quản lý tài nguyên nước bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu	ADB
Chương trình Giao thông Bền vững	2019 - 2024	Hỗ trợ Việt Nam phát triển hệ thống giao thông bền vững và giảm thiểu khí thải nhà kính từ lĩnh vực giao thông	ADB

Có các tổ chức khác như GEF, các tổ chức phi chính phủ (NGO), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Quỹ Châu Á và Mạng lưới Hành động Khí hậu đã và đang hỗ trợ Việt Nam trong các dự án liên quan đến biến đổi khí hậu.

Hình 8. Mạng lưới sạc xe điện VinFast



Nguồn: Tham khảo từ [Vietnamplus](https://vietnamplus.vn)

Khu vực tư nhân Việt Nam cũng có thể tiếp cận các quỹ khí hậu quốc tế (ví dụ: GCF, GEF, CIF và AF) bằng cách hợp tác với các Bộ của chính phủ, chẳng hạn như Bộ GTVT, hoặc hợp tác với các tổ chức được công nhận để thu hút tài trợ từ các quỹ khí hậu này, chẳng hạn như Quỹ Ngân hàng Phát triển Việt Nam¹¹. GCF đang tích cực tìm cách mở rộng khả năng tiếp cận tài chính trực tiếp của khu vực tư nhân. Các doanh nghiệp Việt Nam, nhà phát triển công nghệ khí hậu, tổ chức tài chính và hiệp hội doanh nghiệp quan tâm đến việc khám phá các cơ hội với GCF nên theo dõi các cơ hội với Quỹ Khu vực Tư nhân GCF (PSF), được thiết kế để tài trợ và huy động các chủ thể khu vực tư nhân. PSF thúc đẩy đầu tư của khu vực tư nhân thông qua các công cụ ưu đãi, được cấu trúc theo các hoạt động khác nhau bao gồm:¹²

- Các tổ chức tài chính: Lồng ghép các cân nhắc về biến đổi khí hậu vào hệ thống tài chính
- Tài chính dự án: Điều chỉnh tài chính ưu đãi trong vòng đời để giảm thiểu rủi ro cho các dự án cơ sở hạ tầng vì khí hậu
- Quỹ khí hậu: Cơ cấu các khoản đầu tư chủ chốt vào quỹ vốn/nợ khí hậu
- Thị trường khí hậu: Phát triển thị trường vốn/cacbon đòi hỏi các giải pháp cơ cấu riêng
- Đổi mới về khí hậu: Mở rộng quy mô đầu tư vào các công nghệ và đổi mới về khí hậu có tác động cao

Cơ hội trên thị trường Carbon

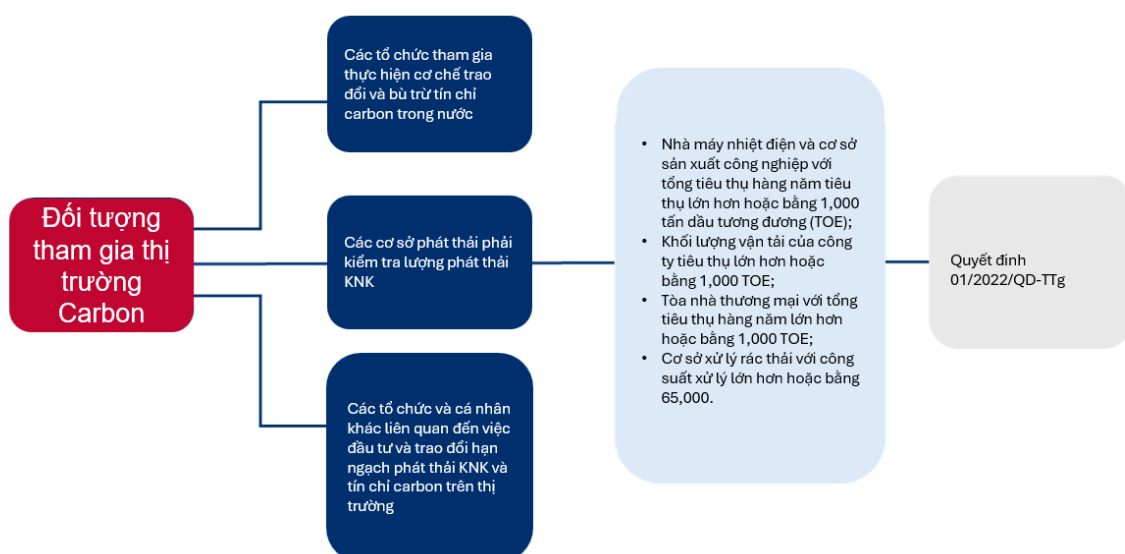
Các doanh nghiệp được ETS bảo vệ có cơ hội tạo doanh thu tài chính, áp dụng công nghệ carbon thấp hiện đại và tham gia nỗ lực toàn cầu nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Nếu một doanh nghiệp thực hiện các biện pháp nhằm giảm lượng phát thải khí nhà kính xuống dưới mức trần đã nêu, doanh nghiệp đó có thể trao đổi các khoản tín chỉ dư thừa hoặc sử dụng chúng để tăng sản xuất. Tùy thuộc vào các quy định của ETS cụ thể, các doanh nghiệp nằm ngoài giới hạn có thể tạo tín chỉ từ các dự án carbon tự nguyện và bán tín chỉ vào hệ thống.

Thị trường carbon đang được xây dựng ở Việt Nam sẽ có tác động lớn nhất đến các nguồn phát thải khí nhà kính lớn vì lượng khí thải sẽ bị giới hạn. Như minh họa trong Hình 6, các cơ sở sẽ được ETS Việt Nam bao gồm các cơ sở phát thải khí nhà kính lớn trong lĩnh vực sản xuất điện, sản xuất, vận tải hàng hóa, tòa nhà thương mại và chất thải rắn.

¹¹ <https://www.greenclimate.fund/ae/vdb>

¹² <https://www.greenclimate.fund/sectors/private#private-sector-facility>

Hình 9. Các thành phần chính tham gia thị trường carbon ở Việt Nam



Nguồn: Tham khảo từ [Bản tin chính sách Môi trường, trang 30](#)

Các cơ sở được bảo hiểm phải đối mặt với nhiều rủi ro khi tham gia ETS, bao gồm những rủi ro sau:

- Khi áp dụng giới hạn phát thải khí nhà kính, số lượng sản phẩm mà doanh nghiệp có thể sản xuất có thể bị hạn chế. Điều này phụ thuộc vào thiết kế của ETS và hồ sơ KNK của cơ sở.
- Định mức phát thải ETS sẽ giảm dần theo thời gian. Vì vậy, các doanh nghiệp có thể cần phải chuyển đổi sang công nghệ phát thải thấp để tuân thủ các quy định pháp luật.
- Nếu cơ sở không thể đáp ứng hạn ngạch, hình ảnh và thương hiệu của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng xấu, công ty có thể mất khả năng cạnh tranh hoặc có thể bị phạt.

Việc tham gia ETS cũng có thể mang lại những lợi ích nhất định cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có khả năng tạo thêm doanh thu từ việc kinh doanh tín chỉ carbon đồng thời nâng cao hình ảnh của mình và tăng khả năng cạnh tranh trên các thị trường quốc tế yêu cầu sản xuất với phát thải carbon thấp.

Để tham gia thị trường carbon trong nước, các doanh nghiệp Việt Nam cần xây dựng năng lực thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính và xây dựng kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính để đáp ứng hạn ngạch được giao. Ngoài ra, các doanh nghiệp nên tìm hiểu rõ về thị trường carbon và cơ chế định giá trước khi tham gia vào thị trường đặc biệt này.

CHƯƠNG 2: HUY ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÍ HẬU CỦA KHU VỰC TƯ NHÂN – CÁC PHƯƠNG ÁN VÀ VÍ DỤ

2.1. Cơ chế huy động tài chính khí hậu cho khu vực tư nhân

Có một số phương án để khu vực tư nhân của Việt Nam có thể huy động tài chính khí hậu, bao gồm phát hành trái phiếu khí hậu và trái phiếu xanh. Dưới đây là một số ví dụ mà các công ty thường sử dụng kết hợp các công cụ này.

Trái phiếu khí hậu là công cụ tài chính có thu nhập cố định, thường được gọi là trái phiếu, gắn liền với các giải pháp biến đổi khí hậu. Trái phiếu này được ban hành với mục đích gây quỹ hỗ trợ các sáng kiến giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, bao gồm cả các dự án giảm thiểu và thích ứng. Trái phiếu khí hậu và các công cụ nợ khác có thể bao gồm nhiều hoạt động, chẳng hạn như giảm phát thải khí nhà kính thông qua các sáng kiến năng lượng sạch hoặc tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng. Ngoài ra, trái phiếu khí hậu có thể tài trợ cho các dự án tập trung vào việc thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, chẳng hạn như xây dựng hệ thống phòng chống lũ lụt cho các khu vực như đồng bằng sông Nile hoặc hỗ trợ các biện pháp giúp các hệ sinh thái như rạn san hô Great Barrier thích ứng với vùng nước ấm lên. Bằng cách phát hành trái phiếu khí hậu, các tổ chức có thể thu hút đầu tư dành riêng cho những nỗ lực thân thiện với khí hậu, góp phần chuyển đổi sang một tương lai bền vững và kiên cường hơn.

Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI) là một tổ chức quốc tế tập trung vào việc huy động thị trường trái phiếu toàn cầu để tài trợ cho các giải pháp biến đổi khí hậu. CBI xây dựng các tiêu chuẩn và chứng nhận cho trái phiếu khí hậu, đảm bảo số tiền thu được sẽ được sử dụng cho các dự án giảm thiểu biến đổi khí hậu hoặc tăng cường khả năng phục hồi khí hậu. Chương trình chứng nhận và tiêu chuẩn mở rộng của CBI cho phép chứng nhận cả trái phiếu và khoản vay phù hợp với tiêu chí đủ điều kiện của chương trình¹³. CBI cũng hỗ trợ chứng nhận 'tài chính chuyển đổi', là hỗ trợ tài chính giúp khử carbon cho các hoạt động phát thải cao hoặc cho phép khử carbon trong các hoạt động kinh tế khác¹⁴. CBI định nghĩa 'tài chính chuyển đổi' là các hoạt động cho phép chuyển từ mức phát thải khí nhà kính cao hiện nay sang mức tương xứng với việc đáp ứng các mục tiêu của Thỏa thuận Paris.

CBI đã tích cực tham gia vào một số dự án trọng điểm tại Việt Nam, tập trung vào cơ sở hạ tầng xanh và tài chính bền vững. Một trong những nỗ lực chính là báo cáo "Cơ hội đầu tư cơ sở hạ tầng xanh (GIIO) Việt Nam"¹⁵, trong đó xác định và phân tích các cơ hội đầu tư xanh trong nước. Báo cáo này nhấn mạnh sự cần thiết phải có khoảng 31 tỷ USD vào năm 2020 để chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam theo hướng bền vững, tập trung vào năng lượng tái tạo, giao thông công cộng, quản lý nước và chất thải. Ngoài ra, CBI còn hỗ trợ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC) phát hành trái phiếu xanh được chứng nhận đầu tiên của Việt Nam. Trái phiếu này, được xác minh theo

¹³ https://www.climatebonds.net/files/page/files/climate_bonds_expanded_standard_and_certification_scheme_brochure_1.pdf

¹⁴ <https://www.climatebonds.net/certification/get-certified>

¹⁵ <https://www.climatebonds.net/resources/reports/green-infrastructure-investment-opportunities-giio-vietnam>

Tiêu chuẩn Trái phiếu Khí hậu, tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo, bao gồm hai trang trại gió ngoài khơi Tân Phú Đông 1 và 2, với tổng công suất 150 MW¹⁶.

Trái phiếu xanh: Trái phiếu xanh là trái phiếu thông thường với hai đặc điểm phân biệt: nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được phân bổ riêng cho các dự án có lợi ích về môi trường (được hiểu về bản chất là gắn liền với đồng lợi ích xã hội) và cung cấp sự minh bạch và công khai rõ ràng về việc quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu. Nói cách khác, về mặt cấu trúc, trái phiếu xanh giống như trái phiếu thông thường, có đặc điểm rủi ro/lợi ích tương đương và tuân theo các thủ tục phát hành giống nhau, nhưng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng cho nhiều loại dự án khí hậu và môi trường khác.

Trái phiếu xã hội: Trái phiếu xã hội là bất kỳ loại công cụ trái phiếu nào trong đó nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được áp dụng riêng cho tài trợ hoặc tái cấp vốn một phần hoặc toàn bộ các dự án xã hội đáp ứng điều kiện mới và/hoặc hiện tại và phù hợp với bốn thành phần cốt lõi của Nguyên tắc Trái phiếu xã hội.

Trái phiếu bền vững: Trái phiếu bền vững là trái phiếu trong đó nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng riêng cho tài trợ hoặc tái cấp vốn cho kết hợp cả các dự án và tài sản xanh và xã hội. Trái phiếu bền vững phù hợp với bốn thành phần cốt lõi của Nguyên tắc Trái phiếu xanh và Nguyên tắc Trái phiếu xã hội, với Nguyên tắc Trái phiếu xanh đặc biệt phù hợp với các dự án và tài sản xanh cơ sở và Nguyên tắc Trái phiếu xã hội phù hợp với các dự án và tài sản xã hội cơ sở .

Bảng 2: Các Nguyên tắc: Nguyên tắc trái phiếu xanh, Nguyên tắc trái phiếu xã hội và Hướng dẫn về trái phiếu bền vững

LOẠI	NGUYÊN TẮC TRÁI PHIẾU XANH	NGUYÊN TẮC TRÁI PHIẾU XÃ HỘI	NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN VỀ TRÁI PHIẾU BỀN VỮNG
1. Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu	Nguyên tắc Trái phiếu xanh không quy định cụ thể về ‘xanh’. Định nghĩa xanh được để cho tổ chức phát hành xác định. Các danh mục dự án xanh nói chung (và chưa toàn diện) và do các nguyên tắc đề xuất bao gồm: - Năng lượng - Tòa nhà	Các hạng mục Dự án xã hội do các nguyên tắc đề xuất bao gồm: - Cơ sở hạ tầng cơ bản giá cả phải chăng - Tiếp cận các dịch vụ thiết yếu - Nhà ở giá rẻ - Việc làm	Kết hợp các Nguyên tắc Trái phiếu Xanh và Xã hội

¹⁶ <https://www.climatebonds.net/resources/press-releases/2024/06/gia-lai-electricity-joint-stock-company-obtains-vietnams-first>

	- Giao thông - Quản lý nước - Quản lý chất thải & kiểm soát ô nhiễm - Tài sản dựa vào thiên nhiên bao gồm sử dụng đất, nông nghiệp và lâm nghiệp - Công nghiệp & thương mại sử dụng nhiều năng lượng - Công nghệ thông tin & truyền thông (ICT)	An ninh lương thực và hệ thống thực phẩm bền vững Nâng cao và trao quyền về mặt kinh tế xã hội	
2. Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án	Tổ chức phát hành trái phiếu xanh cần thông báo rõ ràng với nhà đầu tư: - Các mục tiêu bền vững về môi trường; - Tổ chức phát hành có trách nhiệm xác định mức độ đáp ứng các tiêu chí của dự án xanh đủ điều kiện và thiết lập các tiêu chí đủ điều kiện liên quan.	Tổ chức phát hành trái phiếu xã hội cần thông báo rõ ràng với nhà đầu tư: - Các mục tiêu xã hội; - Tổ chức phát hành quyết định quy trình về cách thức các dự án phù hợp với các dự án xã hội đủ điều kiện - Các tiêu chí liên quan đến tính hợp lệ	Kết hợp các Nguyên tắc Trái phiếu xanh và xã hội
3. Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu	Số tiền thu được ròng từ phát hành trái phiếu xanh [trái phiếu xã hội hoặc trái phiếu bền vững], hoặc số tiền bằng số tiền thu được ròng này, phải được ghi có vào một tài khoản phụ, chuyển sang một danh mục phụ hoặc được tổ chức phát hành theo dõi một cách thích hợp, và được chứng thực bởi tổ chức phát hành trong một quy trình nội bộ chính thức liên quan đến hoạt động cho vay và đầu tư cho các dự án của tổ chức phát hành. (Nguồn: Nguyên tắc trái phiếu xanh)		
4. Báo cáo	Tổ chức phát hành nên cung cấp và lưu giữ thông tin cập nhật sẵn sàng cung cấp về việc sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái		

	phiếu sẽ được gia hạn hàng năm cho đến khi phân bổ xong, và kịp thời trong trường hợp có diễn biến quan trọng. Tính minh bạch có giá trị đặc biệt trong việc truyền đạt tác động dự kiến của các dự án. (Nguồn: Nguyên tắc trái phiếu xanh)
--	--

Việt Nam đã tích cực thúc đẩy việc áp dụng trái phiếu xanh như một phần của các sáng kiến tài chính bền vững. Năm 2016, một đơn vị được chính phủ hỗ trợ tại Thành phố Hồ Chí Minh và chính quyền thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu đã phát hành thành công trái phiếu xanh với số tiền lần lượt là 23,4 triệu USD và 3,6 triệu USD. Các công ty Việt Nam như Tập đoàn Trungnam và Công ty Cổ phần Điện mặt trời Trung nam cũng đã tham gia thị trường trái phiếu xanh để tài trợ cho các dự án pin mặt trời tại tỉnh Ninh Thuận¹⁷. Ngân hàng lâu đời nhất Việt Nam phát hành trái phiếu xanh đầu tiên tại thị trường trong nước BIDV đã nêu bật 13 hạng mục dự án sẽ đủ điều kiện được tài trợ bằng tiền thu được từ trái phiếu xanh.¹⁸ Bao gồm năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, công nghiệp xanh, bảo vệ môi trường và cung cấp dịch vụ tiết kiệm năng lượng, giao thông bền vững, xây dựng xanh, nông nghiệp xanh, lâm nghiệp bền vững, quản lý nước bền vững ở thành thị và nông thôn, xử lý chất thải và ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường tự nhiên, phục hồi môi trường sinh thái và phòng chống thiên tai, tài nguyên tái chế và tái tạo¹⁹.

Một yếu tố quan trọng trong việc phát hành trái phiếu khí hậu và các khoản vay khí hậu là thiết lập một nguyên tắc phân loại xanh nhằm làm rõ những hoạt động nào đủ điều kiện được tài trợ bằng quỹ khí hậu hoặc quỹ xanh. Hệ thống phân loại này phải đi kèm với các chỉ số hoạt động chính phù hợp với tầm nhìn của công ty và hệ thống nội bộ để gắn thẻ và khoanh vùng các quỹ khí hậu nhằm tránh hoạt động tẩy xanh. Những khuôn khổ như vậy giúp báo hiệu cho các nhà đầu tư tư nhân rằng công ty cam kết quản lý tốt nguồn vốn.

Thủ tướng Việt Nam đã giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam (MONRE) xây dựng hệ thống phân loại xanh quốc gia, trong đó nêu rõ những dự án nào được nhà nước hỗ trợ phải đủ điều kiện nhận tín dụng xanh và trái phiếu xanh. Tuy nhiên, việc phân loại vẫn chưa được hoàn thiện, bao gồm cả quy trình chứng nhận các dự án xanh như thế nào.²⁰ Trong trường hợp không có hệ thống phân loại xanh cấp quốc gia, các doanh nghiệp có thể sử dụng các hệ thống phân loại khác, chẳng hạn như Hệ thống phân loại Trái phiếu Khí hậu của CBI²¹ hoặc Hệ thống phân loại ASEAN về

¹⁷ <https://tititada.com/academy/dao-tu/thi-truong-trai-phieu-xanh-tai-viet-nam>

¹⁸ <https://thedocs.worldbank.org/en/doc/34f66dd99b83f50d8ec797a1ba686b38-0340012024/original/Case-Study-Viet-Nam-BIDV-green-bond-TA.pdf>

¹⁹ <https://thedocs.worldbank.org/en/doc/34f66dd99b83f50d8ec797a1ba686b38-0340012024/original/Case-Study-Viet-Nam-BIDV-green-bond-TA.pdf>

²⁰ Finalization of green taxonomy 'a matter of urgency'. The Investor, April 3, 2024 <https://theinvestor.vn/finalization-of-green-taxonomy-a-matter-of-urgency-d9262.html>

²¹ Climate Bonds Taxonomy. Climate Bonds Initiative <https://www.climatebonds.net/standard/taxonomy>

Tài chính Bền vững²² thì có thể phát triển hệ thống phân loại của riêng mình, chẳng hạn như bằng cách điều chỉnh các ưu tiên thích ứng và giảm nhẹ khí hậu trong NDC của Việt Nam.

2.2. Nghiên cứu điển hình: huy động tài chính khí hậu của khu vực tư nhân

Tài chính khí hậu là công cụ hỗ trợ các dự án và sáng kiến nhằm giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển bền vững. Thông qua các cơ chế tài chính khác nhau, chẳng hạn như đầu tư, tài trợ và cho vay, khu vực tư nhân có thể huy động các nguồn lực để thúc đẩy việc áp dụng năng lượng tái tạo, tăng cường khả năng phục hồi và thúc đẩy hành động khí hậu trong nước.

Các tiểu mục sau đây trình bày các nghiên cứu điển hình về tài chính khí hậu ở Việt Nam, bao gồm nỗ lực của ngân hàng phát triển trong việc tài trợ cho các dự án năng lượng sạch, chiến lược tài chính xanh được Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thông qua và tài trợ khí hậu do một tập đoàn Việt Nam huy động để hỗ trợ điện khí hóa.

2.2.1. Dự án Hiệu quả năng lượng Việt Nam cho doanh nghiệp công nghiệp²³

Ngân hàng Thế giới tài trợ cho Dự án Hiệu quả năng lượng cho các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam (VEEIE) được Bộ Công Thương triển khai từ năm 2017 đến năm 2022 nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp. Dự án đã góp phần đạt được mục tiêu tiết kiệm năng lượng của chính phủ và mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính.

Việc triển khai VEEIE được điều phối và giám sát bởi Vụ Tiết kiệm Năng lượng và Phát triển Bền vững của Bộ Công Thương. VEEIE hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện các dự án tiết kiệm năng lượng nhằm giảm mức sử dụng năng lượng và phát thải khí nhà kính. Dự án bao gồm hai thành phần:

- Hợp phần 1: Cho vay đầu tư tiết kiệm năng lượng. Hợp phần này bao gồm chương trình cho vay tiết kiệm năng lượng trị giá 156 triệu USD trong 5 năm: (a) 100 triệu USD được Ngân hàng Thế giới cung cấp thông qua vay nợ; (b) các tổ chức tài trợ đối tác địa phương đồng tài trợ cho các hoạt động của dự án bằng cách tài trợ 20% khoản vay dành cho các doanh nghiệp công nghiệp; và (c) những người vay lại đóng góp ít nhất 20% khoản đầu tư dưới dạng tài trợ vốn cổ phần.
- Hợp phần 2: Hỗ trợ thực hiện dự án. Hợp phần này cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực cho MOIT về giám sát và giám sát dự án, bao gồm hỗ trợ kiểm toán các hoạt động dự án và giám sát các biện pháp bảo vệ an toàn.

²² ASEAN Taxonomy for Sustainable Finance, Version 3. The ASEAN Capital Markets Forum (ACMF) <https://www.theacmf.org/sustainable-finance/publications/asean-taxonomy-for-sustainable-finance-version-3>

²³ <https://tietkiemnangluong.com.vn/tin-tuc/hop-tac-quoc-te/t26245/du-an-tiet-kiem-nang-luong-cho-nganh-cong-nghiep-viet-nam-veeie-.html>

Theo VEEIE, 11 dự án đã nhận được các khoản vay bao gồm đồng phát điện để chế biến mía, thu hồi nhiệt thải để sản xuất xi măng và các dự án năng lượng mặt trời cho các cơ sở công nghiệp. Dự án đã được triển khai thành công và đạt được các mục tiêu về tiết kiệm năng lượng, tạo việc làm, giảm phát thải khí nhà kính và lắp đặt năng lượng tái tạo mới.

2.2.2. Dự án tăng cường hiệu quả năng lượng tại Việt Nam²⁴

Ngân hàng Thế giới đã nhất trí với Chính phủ Việt Nam triển khai cách tiếp cận toàn diện nhằm thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành tiêu thụ nhiều năng lượng, khai thác tiềm năng đáng kể về bảo tồn năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính. Dự án Tăng cường hiệu quả năng lượng ở Việt Nam (VSUEE), đang trong giai đoạn thực hiện từ năm 2022 đến năm 2026, sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc đạt được NDC của Việt Nam.

Dự án VSUEE được thiết kế và triển khai tại Việt Nam dưới sự chủ trì của MOIT và được thực hiện nhờ hỗ trợ tài chính từ GCF. GCF đã cung cấp 86,3 triệu USD, trong đó 75 triệu USD sẽ được phân bổ cho Quỹ chia sẻ rủi ro (RSF). RSF cung cấp bảo đảm cho các Tổ chức Tài chính Tham gia (PFI) trực tiếp cấp các khoản vay tiết kiệm năng lượng cho các doanh nghiệp công nghiệp hoặc thông qua các Công ty Dịch vụ Năng lượng (ESCO). Đối với các tiểu dự án đủ điều kiện, RSF có thể cấp bảo lãnh cho PFIs, không vượt quá 50% giá trị khoản vay. Các khoản vay có thể bao gồm các chi phí liên quan đến mua sắm, lắp đặt, thử nghiệm, bổ sung thiết bị hoặc trang bị thêm/nâng cấp thiết bị hiện có để tăng cường tiết kiệm năng lượng. Các khoản vay này dự kiến sẽ được tài trợ từ nguồn vốn tự có của PFIs bằng ngoại tệ hoặc nội tệ. RSF sẽ chỉ có quyền tiếp cận các khoản vay hoặc các đợt cho vay mà PFI phân bổ từ nguồn lực của mình để hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp và ESCO. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội là đối tác thực hiện dự án VSUEE.

Dự án dự kiến sẽ huy động khoảng 250 triệu USD đầu tư tiết kiệm năng lượng và hỗ trợ trên 50 cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm giảm tiêu thụ năng lượng và cắt giảm khoảng 6,9 triệu tấn phát thải khí nhà kính hàng năm trong giai đoạn đầu tư.

2.2.3. Chiến lược xanh của BIDV

Ngân hàng đã xây dựng các chính sách, thủ tục phù hợp với định hướng tín dụng xanh; xây dựng các sản phẩm, chính sách khuyến khích mở rộng tín dụng cho các lĩnh vực xanh và năng lượng sạch; ban hành hướng dẫn thẩm định các dự án cụ thể như nhà máy điện gió, dự án năng lượng mặt trời. Bên cạnh tiền gửi của các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước, HSBC không ngừng tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế để huy động và cho vay lại các nguồn vốn ủy thác nước ngoài tài trợ cho lĩnh vực xanh, qua đó góp phần tăng trưởng tín dụng xanh. Ví dụ về các hoạt động của Ngân hàng bao gồm²⁵:

- Dự án Phát triển Năng lượng tái tạo (REDP) với tổng vốn đầu tư 202 triệu USD;

²⁴https://vsuee.vn/Images/User/ducdt/2024/6/20a_vsuee_rsf_om_attached_to_decision_1337_dated_3.6.2024.pdf

²⁵https://bidv.com.vn/bidv_en/tin-tuc/tin-ve-bidv/bidv-tich-cuc-thuc-day-phat-trien-nang-luong-ben-vung

- Đồng tài trợ các khoản vay VEEIE với tổng số tiền là 50 triệu USD;
- Hai hạn mức tín dụng môi trường năm 2005 và 2009 từ EIB với tổng giá trị là 130 triệu EUR;
- Khoản vay trị giá 300 triệu USD từ ADB để hỗ trợ tăng trưởng và năng suất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) tại Việt Nam với các yêu cầu về bảo vệ môi trường và năng lượng sạch; Và
- Hạn mức tín dụng SUNREF trị giá 100 triệu USD với AFD để phát triển tài chính xanh mà không cần sự bảo lãnh của chính phủ).

Tính đến tháng 12 năm 2022, danh mục tài chính xanh của BIDV đạt xấp xỉ 63.000 tỷ đồng (tương đương 2,7 tỷ USD), chiếm 4,3% tổng dư nợ và 13% tổng tài trợ xanh của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Tỷ trọng lớn nhất trong dư nợ là năng lượng tái tạo và năng lượng sạch khác, đạt hơn 54.000 tỷ đồng (tương đương 86% dư nợ tín dụng xanh).²⁶

Tháng 10/2023, Ngân hàng đầu tiên phát hành trái phiếu xanh trị giá 2.500 tỷ đồng (gần 100 triệu USD) tại thị trường trong nước tuân thủ Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA²⁷. Số tiền thu được sẽ được sử dụng để tài trợ cho các dự án xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và bảo vệ môi trường, phù hợp với Khung trái phiếu xanh của Ngân hàng. Đây cũng là trái phiếu xanh cao cấp, không có bảo đảm và không được bảo đảm đầu tiên được phát hành tại Việt Nam, thể hiện uy tín tín dụng cao và uy tín của tổ chức phát hành. Tất cả các nhà đầu tư tham gia giao dịch đều là các công ty bảo hiểm và quản lý quỹ uy tín, liên kết với các tập đoàn bảo hiểm hàng đầu thế giới, trong đó có Eastspring Việt Nam và Prudential Việt Nam.

2.2.4. Tài chính khí hậu cho di chuyển bằng điện

Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại VinFast (VinFast), công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vincom (Vingroup), được chấp thuận phát triển Nhà máy sản xuất xe máy điện và ô tô VinFast vào năm 2017. Nhà máy tọa lạc tại Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, đảo Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Nhà máy xe buýt điện tử bắt đầu hoạt động vào tháng 12 năm 2020. Nhà máy được phát triển trên tổng diện tích 30.000 m² và có thể sản xuất 3.000 xe mỗi năm.

Năm 2022, VinFast đã huy động thành công nguồn tài chính về khí hậu từ ADB²⁸ và các DFI khác để sản xuất xe buýt điện tử và bộ sạc. Số tiền 135 triệu USD huy động được bao gồm khoản vay 20 triệu USD từ ADB và khoản vay 87 triệu USD khác từ các nguồn khác như Đối tác tài chính khí hậu Úc, Quỹ công nghệ sạch, Quỹ phát triển và đổi mới khí hậu, và Quỹ Hợp tác và Trách nhiệm Công nghiệp Phần Lan. Khoản tài trợ khí hậu có thời hạn 7 năm và được CBI chứng nhận.²⁹

²⁶ https://bidv.com.vn/en?url=wcm:path:/wps/wcm/connect/BIDV_EN/tin-tuc/thong-tin-bao-chi/bidv-to-chuc-hoi-thao-doanh-nghiep-viet-nam-chung-tay-kien-cao-kinh-te-xanh

²⁷ <https://www.adb.org/news/adb-leads-135-million-climate-financing-package-support-electric-mobility-viet-nam>

²⁸ <https://www.adb.org/sites/default/files/project-documents/55327/55327-001-escar-en.pdf>

²⁹ <https://www.adb.org/news/adb-leads-135-million-climate-financing-package-support-electric-mobility-viet-nam>

CHƯƠNG 3: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

3.1. Những thách thức đối với doanh nghiệp trong việc tài trợ cho hành động khí hậu

Lĩnh vực tài chính có vai trò quan trọng trong việc chống biến đổi khí hậu bằng cách huy động các nguồn lực hướng tới các hoạt động bền vững. Tuy nhiên, có những trở ngại đáng kể mà doanh nghiệp phải vượt qua:

- **Đánh giá rủi ro không nhất quán:** Việc đo lường và tích hợp chính xác các rủi ro liên quan đến khí hậu (cả về mặt vật lý và chuyển đổi) vào các quyết định tài chính vẫn là một thách thức. Việc thiếu các phương pháp tiêu chuẩn hóa và dữ liệu chấp vá gây khó khăn cho việc đánh giá tác động tài chính tiềm tàng của biến đổi khí hậu đối với các khoản đầu tư.
- **Bối cảnh pháp lý rời rạc:** Yêu cầu công bố thông tin về rủi ro và cơ hội khí hậu rất khác nhau giữa các quốc gia và khu vực. Sự không nhất quán này khiến các doanh nghiệp khó phát triển một cách tiếp cận toàn diện về tài chính liên quan đến khí hậu.
- **Trọng tâm ngắn hạn và dài hạn:** Thị trường tài chính truyền thống thường ưu tiên lợi nhuận ngắn hạn, trong khi các giải pháp về khí hậu thường yêu cầu đầu tư dài hạn với kết quả thu được không chắc chắn. Các doanh nghiệp cần tìm cách thu hẹp khoảng cách này và khuyến khích các nỗ lực bền vững lâu dài.
- **Các công cụ tài chính xanh hạn chế:** Mặc dù là một khu vực đang phát triển nhưng khả năng sẵn có của các sản phẩm tài chính được thiết kế đặc biệt để hỗ trợ các dự án thân thiện với khí hậu vẫn còn hạn chế. Điều này cản trở các doanh nghiệp muốn đầu tư vào các giải pháp bền vững nhưng thiếu khả năng tiếp cận nguồn vốn cần thiết.

3.2 Thách thức đối với doanh nghiệp trên thị trường carbon

Để xây dựng và vận hành thị trường carbon trong nước nhằm hỗ trợ thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính trong NDC của Việt Nam, còn rất nhiều khó khăn, thách thức:

- **Khoản đầu tư ban đầu cần thiết cho việc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là cao** và thị trường cho công nghệ tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo ở Việt Nam vẫn còn hạn chế.
- **Cơ chế hỗ trợ tài chính hiện nay chưa đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.**
- **Hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia vẫn chưa hoàn chỉnh.** Hiện vẫn chưa có hệ thống thống nhất để đo lường, báo cáo và kiểm chứng các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ở cấp quốc gia và cấp ngành. Nếu không có hệ thống như vậy, các doanh nghiệp sẽ mất rất nhiều thời gian để thu thập dữ liệu và tính toán lượng phát thải khí nhà kính.

- Để doanh nghiệp tham gia thị trường carbon, Chính phủ Việt Nam phải làm rõ doanh nghiệp nào đủ điều kiện tham gia thị trường carbon trong nước. Chính phủ cũng phải xác định tổng giới hạn phát thải khí nhà kính cho ETS quốc gia và phân bổ hạn mức phát thải cho các cơ sở nằm trong phạm vi giới hạn.
- Năng lực tham gia VCM của doanh nghiệp còn yếu. Việc thực hiện các dự án carbon chủ yếu được thực hiện bởi các công ty tư vấn.
- Hiện chưa có hướng dẫn cuối cùng về kinh doanh tín chỉ carbon theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris. Điều này đã tạo ra sự không chắc chắn và làm chậm quá trình đầu tư vào các dự án carbon.

3.3. Cơ hội cho doanh nghiệp tài trợ cho hành động khí hậu

Tính cấp thiết của việc giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu mang lại nhiều cơ hội cho khu vực tư nhân tận dụng các cơ hội thị trường xuất hiện từ quá trình chuyển đổi sang một tương lai ít carbon và thích ứng với khí hậu. Bao gồm các:

- Đầu tư xanh: Các doanh nghiệp có thể phát triển và cung cấp các sản phẩm tài chính như trái phiếu xanh, quỹ cơ sở hạ tầng khí hậu và các khoản vay liên quan đến tính bền vững để hỗ trợ các dự án năng lượng tái tạo, sáng kiến tiết kiệm năng lượng và thực hành sử dụng đất bền vững.
- Quản lý rủi ro khí hậu: Nhu cầu ngày càng tăng đối với các dịch vụ giúp doanh nghiệp đánh giá, định giá và phòng ngừa rủi ro khí hậu. Các tổ chức tài chính có thể phát triển kiến thức chuyên môn về phân tích rủi ro khí hậu và cung cấp các sản phẩm như bảo hiểm thích ứng với khí hậu và trái phiếu thảm họa.
- Các thị trường mới nổi. Các nền kinh tế đang phát triển đòi hỏi đầu tư đáng kể vào cơ sở hạ tầng và chiến lược thích ứng với khí hậu. Các doanh nghiệp có thể khai thác các thị trường này bằng cách cung cấp các giải pháp công nghệ và tài chính cho nông nghiệp thông minh với khí hậu, quản lý nước và phòng chống thiên tai.
- Đổi mới bền vững: Các tổ chức tài chính có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới trong các giải pháp khí hậu. Điều này có thể liên quan đến việc tài trợ cho các công ty khởi nghiệp công nghệ sạch, quỹ đầu tư mạo hiểm tập trung vào tính bền vững và các dự án nghiên cứu và phát triển cho các công nghệ carbon thấp mới.

3.4. Cơ hội cho doanh nghiệp trên thị trường carbon

Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp đã chủ động tham gia, thiết kế và triển khai các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, đặc biệt là hỗ trợ VCM. Ví dụ có thể được tìm thấy trên nền tảng đăng ký VCM của Verra³⁰ hoặc Gold Standard³¹. Nhiều tín chỉ carbon đạt được từ các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đã được doanh nghiệp bán cho các đối tác ở các nước phát triển. Điều này đã giúp các doanh nghiệp Việt Nam có được kinh nghiệm phát triển các dự án carbon thấp và thương mại hóa tín chỉ carbon trên thị trường carbon quốc tế. Với việc giới thiệu VCM trong nước liên

³⁰ <https://registry.verra.org/app/search/VCS/All%20Projects>

³¹ <https://registry.goldstandard.org/projects?q=&page=1>

kết với ETS quốc gia, các nhà phát triển dự án carbon sẽ có thể mở rộng danh mục dự án carbon để đáp ứng nhu cầu tiềm năng từ các cơ sở có giới hạn phát thải.

Các doanh nghiệp dự kiến sẽ được áp dụng ETS quốc gia nên bắt đầu thiết lập các hệ thống đo lường, báo cáo và xác minh dữ liệu phát thải khí nhà kính. Điều này sẽ nâng cao trách nhiệm giải trình và tính minh bạch giữa các bên liên quan, đồng thời giúp các doanh nghiệp này xác định các phương án giảm thiểu hiệu quả về mặt chi phí để giúp tận dụng được hệ thống mua bán khí thải sắp tới. Về lâu dài, Chính phủ Việt Nam kỳ vọng sẽ kết nối ETS quốc gia với các thị trường quốc tế khác. Liên kết ETS trên phạm vi quốc tế sẽ giảm chi phí tuân thủ tổng thể, tăng tính thanh khoản của thị trường, thúc đẩy sự ổn định của thị trường và giảm nguy cơ rò rỉ. Áp dụng ETS cũng giúp doanh nghiệp có thể thu hút đầu tư quốc tế ngày càng tăng vào các hoạt động khử cacbon cho khu vực tư nhân.

Thị trường carbon sẽ góp phần tăng nguồn thu ngân sách và từ đó giúp Chính phủ Việt Nam có thêm vốn cho đầu tư xanh. Đồng thời, các hoạt động của thị trường carbon sẽ tạo ra những đồng lợi ích đáng kể có thể có sự phối hợp tích cực với các mục tiêu về sức khỏe cộng đồng, an ninh năng lượng, tạo việc làm và biến đổi khí hậu.

3.5. Khuyến nghị

Có một số biện pháp để khu vực tư nhân chuẩn bị và huy động tài chính khí hậu, bao gồm:

1. Thực hiện các khuôn khổ về môi trường, xã hội và quản trị: Hiệu quả hoạt động về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) ngày càng quan trọng đối với các nhà đầu tư. Nhiều nhà đầu tư tổ chức, chẳng hạn như quỹ hưu trí và nhà quản lý tài sản, ưu tiên các yếu tố ESG khi đưa ra quyết định đầu tư. Bằng cách áp dụng và truyền đạt các thực tiễn phù hợp với ESG, các doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn rộng hơn và thu hút đầu tư dài hạn, bền vững.
2. Phát triển chiến lược tài chính xanh: Các doanh nghiệp nên xây dựng một chiến lược toàn diện nêu rõ cam kết của mình đối với các dự án xanh và bền vững. Điều này bao gồm việc đặt ra các mục tiêu rõ ràng để giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường khả năng phục hồi khí hậu. Một chiến lược được xác định rõ ràng có thể thu hút các nhà đầu tư đang tìm kiếm cơ hội có trách nhiệm với môi trường.
3. Phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế: Việc áp dụng các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận, chẳng hạn như Tiêu chuẩn Trái phiếu Khí hậu, có thể nâng cao uy tín và tính minh bạch. Sự liên kết này trấn an các nhà đầu tư rằng các dự án xanh của doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí nghiêm ngặt về môi trường.
4. Thu hút các bên liên quan: Cộng tác với các bên liên quan chính, bao gồm các nhà đầu tư, cơ quan quản lý và các đối tác trong ngành để xây dựng sự hỗ trợ cho các sáng kiến tài chính xanh. Tham gia đối thoại với các nhóm này có thể giúp điều chỉnh mục tiêu kinh doanh phù hợp với kỳ vọng của nhà đầu tư và các yêu cầu pháp lý.
5. Phát hành trái phiếu xanh và các công cụ nợ khác: Doanh nghiệp có thể phát hành trái phiếu khí hậu và trái phiếu xanh để huy động vốn đặc biệt cho các dự án xanh. Những trái phiếu này có thể tài trợ cho nhiều dự án bền vững, từ năng lượng tái tạo đến quản lý chất thải. Trái phiếu xanh hấp dẫn các nhà đầu tư tập trung vào tiêu chí ESG.

6. Tăng cường báo cáo và minh bạch: Cung cấp báo cáo thường xuyên và minh bạch về việc sử dụng số tiền thu được từ tài chính khí hậu giúp xây dựng niềm tin của nhà đầu tư. Báo cáo chi tiết về tác động môi trường của các dự án được tài trợ thể hiện trách nhiệm giải trình và lợi ích hữu hình của đầu tư

Bằng cách làm theo các bước này, doanh nghiệp có thể huy động tài chính khí hậu một cách hiệu quả, góp phần phát triển bền vững và tiếp cận nguồn vốn đầu tư xanh ngày càng tăng.